

Biểu mẫu 01

UBND HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

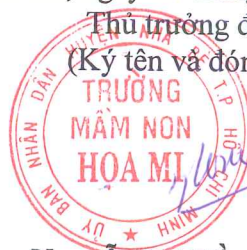
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Đạt	Đạt
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình GDMN ban hành kèm văn bản hợp nhất 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chương trình GDMN ban hành kèm văn bản hợp nhất 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Đạt	Đạt
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Đạt	Đạt

Nhà Bè, ngày 30 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hồng Loan

**UBND HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI**

Biểu mẫu 02

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	327			28	86	108	105
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	327			28	86	108	105
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	327			28	86	108	105
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	327			28	86	108	105
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	327			28	86	108	105
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	326			28	85	108	105
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	01			00	01	00	00
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	324			26	86	107	105
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	03			02	00	01	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	41			02	10	11	18
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	28			28			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	299				86	108	105

Nhà Bè, ngày 30 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hồng Loan

UBND HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 20202– 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	10	4.5 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	4.5 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	5425.2 m ²	18.83 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	1126 m ²	3.9 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	140 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	18 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	74 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	86.5 m ² + 18 m ²	.
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	800	80 bộ
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	02	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	25	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	0	Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Bộ đồ chơi liên hoàn ngoài trời	01	Dùng chung
2	Xe đạp	05	Dùng chung
3	Đệm lò xo	02	Dùng chung
4	Bộ đồ chơi con sâu ngoài trời	01	Dùng chung

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	36 m ²			180 m ²	0.62 m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ					

	sinh*				
(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)					
		Có	Không		
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x			
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x		
XIV	Kết nối internet	x			
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x			
XVI	Tường rào xây	x			
..					

Nhà Bè, ngày 30 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hồng Loan

Biểu mẫu 04

**UBND HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI**

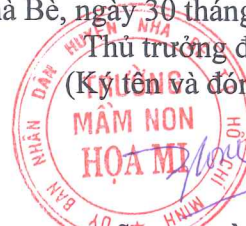
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục
mầm non, năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32	0	05	19	01	01	06		20	05	12	13		
I	Giáo viên	22		03	18	01									
1	Nhà trẻ	03			03					03					
2	Mẫu giáo	19		03	15	01	0			17	05				
II	Cán bộ quản lý	03		02	01						03				
1	Hiệu trưởng	01			01						01				
2	Phó hiệu trưởng	02		01	01						02				
III	Nhân viên	08					01	07							
1	Nhân viên văn thư	01						01							
2	Nhân viên kế toán	01					01								
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác	06						06							
..	..														

Nhà Bè, ngày 30 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hồng Loan